

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ Q
TỈNH B**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: **806**/2019/HNGĐ - ST

Ngày 28 - 8 - 2019

V/v: “Ly hôn”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ Q, TỈNH B

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Ung Quang Định

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Bà Trịnh Thị Xuân Hoài

2. Bà Cao Thị Chính

- Thư ký phiên tòa: Bà Trần Thị Hạnh là Thư ký Tòa án nhân dân Tp. Q.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Tp. Q tham gia phiên tòa: Ông Nguyễn Đức Cảnh - Kiểm sát viên.

Ngày 28 tháng 8 năm 2019, tại Trụ sở Tòa án nhân dân Tp. Q, tỉnh B xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 479/2019/TLST - HNGĐ ngày 28 tháng 5 năm 2019 về việc “Ly hôn”. Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 75/2019/QĐXXST-HNGĐ ngày 18 tháng 7 năm 2019 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 77/2019/QĐST-HNGĐ ngày 12 tháng 8 năm 2019, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Chị Trần Thị Bích H, sinh năm 1976.

- Bị đơn: Anh Võ Công P, sinh năm 1973.

Đồng trú tại: 15/4 Lê Thánh T, Tp. Q, tỉnh B.

(Chị H có mặt; anh P vắng mặt lần 2 không có lý do).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- Tại đơn khởi kiện đề ngày 16/5/2019 và trong quá trình xét xử, nguyên đơn chị Trần Thị Bích H trình bày:

Sau thời gian tìm hiểu chị và anh Võ Công P cưới và đăng ký kết hôn tại UBND phường L, Tp. Q vào ngày 30/10/1998. Sau khi cưới vợ chồng sống bên nhà chồng. Trong thời gian sống chung, vợ chồng phát sinh nhiều mâu thuẫn, vì giữa chị và anh P không có sự đồng cảm chia sẻ; nguyên nhân khác nữa là anh P làm nghề lái xe nên ít có thời gian ở nhà chăm lo gia đình, vợ con; sống ích kỷ, hay tụ tập bạn bè ăn nhậu nên hai bên xảy ra cãi nhau. Chị và anh P nhiều lần nói chuyện; gia đình hai bên cũng có động viên nhưng vợ chồng không khắc phục được. Hiện tại chị với anh P sống ly thân. Chị thấy tình cảm, trách nhiệm vợ chồng không còn; cuộc sống

vợ chồng quá mệt mỏi nhiều năm cho đến nay. Do đó, chị yêu cầu ly hôn anh P.

Về con chung: Chị và anh P có 01 con chung là cháu Võ Hạnh N, sinh ngày 19/10/2000; hiện cháu N đã trưởng thành, có khả năng lao động nên không yêu cầu Tòa giải quyết.

Về tài sản chung: Không yêu cầu Tòa giải quyết.

- *Bị đơn anh Võ Công P*: Tòa đã tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng, anh P nhận nhưng không đến Tòa để tham gia phiên tòa, vắng mặt lần thứ 2 không có lý do.

Tại biên bản lấy lời khai ngày 04/6/2019, anh Võ Công P khai: Anh với chị Trần Thị Bích H cưới và có đăng ký kết hôn tại UBND phường L, Tp. Q vào ngày 30/10/1998. Cách đây 02 tháng anh với chị H có xảy ra mâu thuẫn vì anh cho rằng chị H không tôn trọng anh, mọi việc trong gia đình chị H tự giải quyết không hỏi ý kiến của anh; cũng chính mâu thuẫn này hai bên không nói chuyện, không ai quan tâm đến ai. Chị H có gọi điện anh P để nói chuyện về việc hàn gắn tình cảm vợ chồng nhưng không được vì hai bên không đồng quan điểm, không có tiếng nói chung, sống không hòa hợp; cũng thời gian này trở đi hai bên sống ly thân, chị H ra ngoài ở riêng cho đến nay. Anh P yêu cầu chị H muốn sống hạnh phúc thì phải thay đổi tính cách nếu không thì anh đồng ý ly hôn theo yêu cầu của chị H.

Về con chung: Vợ chồng anh có 01 con chung tên Võ Hạnh N, sinh năm 2000, hiện cháu N đã trưởng thành, tự lo được cuộc sống riêng; anh không yêu cầu Tòa giải quyết.

Về tài sản chung: Anh P không yêu cầu Tòa giải quyết.

Tại phiên tòa sơ thẩm, Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Tp. Q phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và của người tham gia tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm HĐXX nghị án đã chấp hành đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự; nguyên đơn thực hiện các quyền, nghĩa vụ quy định tại Điều 70 và 71 của Bộ luật tố tụng dân sự; còn bị đơn không thực hiện các quyền, nghĩa vụ quy định tại Điều 70 và 72 của Bộ luật tố tụng dân sự.

Về hướng giải quyết vụ án: Đề nghị HĐXX căn cứ Điều 51 và Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình chấp nhận yêu cầu của chị H xin ly hôn anh P; chị H phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng dân sự:

[1.1] Về thẩm quyền giải quyết vụ án: Chị Trần Thị Bích H có đơn khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết về việc ly hôn với anh Võ Công P, trú tại địa chỉ: 15/4 Lê Thánh T, Tp. Q, tỉnh B. Căn cứ điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39

Bộ luật tố tụng dân sự thì vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân Tp. Q.

[1.2] Về vắng mặt đương sự:

Trong quá trình giải quyết vụ án, Tòa đã nhiều lần tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng để thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hoà giải, xét xử cho anh Võ Công P; anh P có nhận các văn bản của Tòa nhưng không đến Tòa làm việc; đây là trường hợp bị đơn cố tình trốn tránh gây khó khăn cho việc giải quyết vụ án. Căn cứ khoản 2 Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt anh P.

[2] Về nội dung:

[2.1] Về hôn nhân:

Chị Trần Thị Bích H và anh Võ Công P cưới, đăng ký kết hôn vào ngày 30/10/1998 tại UBND P. L, Tp. Q trên cơ sở tự nguyện nên đây là hôn nhân hợp pháp. Theo chị H, quá trình chung sống vợ chồng phát sinh nhiều mâu thuẫn, vì giữa chị và anh P không có sự đồng cảm chia sẻ; anh P không chăm lo vợ con, sống ích kỷ. Mặt khác, anh P làm nghề lái xe nên ít có thời gian ở nhà chăm lo gia đình, vợ con; khi ở nhà lại hay tụ tập bạn bè, ăn nhậu nên hai bên nhiều lần xảy ra cãi nhau, xúc phạm nhau. Hiện tại hai bên sống ly thân, mỗi người tự lo cuộc sống riêng. Do đó, chị H yêu cầu được ly hôn anh P. Trong khi đó, anh P lại cho rằng nguyên nhân mâu thuẫn là do chị H không tôn trọng anh, mọi việc trong gia đình chị H tự giải quyết không hỏi ý kiến của anh nên hai bên không nói chuyện và không ai quan tâm đến ai.

HĐXX nhận thấy: Vợ chồng phải có nghĩa vụ thương yêu, chung thủy, tôn trọng, quan tâm, chăm sóc, giúp đỡ nhau. Tuy nhiên, quá trình chung sống giữa chị H và anh P xảy ra nhiều mâu thuẫn, vợ chồng bất đồng quan điểm, không có tiếng nói chung; hai bên không có sự đồng cảm chia sẻ, sống không có tình cảm, không ai quan tâm đến ai. Cả chị H và anh P đã nhiều lần nói chuyện tìm cách sống hòa hợp, hai bên gia đình cố gắng động viên hàn gắn tình cảm nhưng không được nên hai bên đã sống ly thân, chị H về nhà mẹ ruột sinh sống. Từ khi ly thân cho đến nay, dù biết chị H bị bệnh hiểm nghèo nhưng anh P không liên lạc thăm hỏi, động viên; cả hai không ai quan tâm đến ai, mỗi người tự lo cho cuộc sống riêng. Tại biên bản lấy lời khai ngày 04/6/2019, anh P cho rằng vẫn còn thương vợ, con nhưng nếu vợ chồng tiếp tục mâu thuẫn thì anh đồng ý ly hôn chị H, vì nếu sống chung cũng không có hạnh phúc (BL19). Mặt khác, trong quá trình giải quyết vụ án anh P có nhận các Thông báo, giấy triệu tập của Tòa nhưng cố tình không đến Tòa để hòa giải, xét xử điều đó chứng tỏ anh P không có thiện chí trong xây dựng hạnh phúc gia đình với chị H. Nhận thấy tình cảm giữa chị H, anh P thực sự không còn, khả năng hàn gắn là điều không thể, mâu thuẫn giữa chị H, anh P là trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được vì vậy căn cứ Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị H.

[2.2] Về nuôi con chung: Chị H và anh P có 01 con chung là cháu Võ Hạnh N, sinh ngày 19/10/2000; hiện cháu N đã trưởng thành, có khả năng lao động nên không yêu cầu Tòa giải quyết.

[2.3] Về chia tài sản: Chị H và anh P không yêu cầu Tòa giải quyết.

[3] Về án phí: Căn cứ điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, Chị H phải chịu 300.000đ án phí HNGĐ sơ thẩm.

[4] Ý kiến phát biểu của Kiểm sát viên tại phiên tòa là có căn cứ và phù hợp với nhận định của Tòa nên chấp nhận.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 2 Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự; khoản 1 Điều 51 và khoản 1 Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Về hôn nhân: Cho ly hôn giữa chị Trần Thị Bích H và anh Võ Công P.
2. Về nuôi con chung: Chị Trần Thị Bích H và anh Võ Công P có 01 con chung là cháu Võ Hạnh N, sinh ngày 19/10/2000; hiện cháu N đã trưởng thành, có khả năng lao động; chị H, anh P không yêu cầu Tòa giải quyết nên Tòa không xem xét giải quyết.
3. Về chia tài sản: Chị Trần Thị Bích H và anh Võ Công P không yêu cầu, Tòa không giải quyết.
4. Về án phí: Chị Trần Thị Bích H phải chịu 300.000đ án phí HNGĐ-ST, được trừ 300.000đ tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai số 0001451 ngày 28/5/2019 của Chi cục Thi hành án dân sự Tp. Quy Nhơn (đã nộp xong).
5. Về quyền kháng cáo: Các đương sự có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, đương sự vắng mặt tại phiên tòa hoặc không có mặt khi tuyên án mà có lý do chính đáng thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày nhận được bản án hoặc được niêm yết.

Nơi nhận:

- VKSND Tp. Q;
- Chi cục THADS Tp. Q;
- UBND P. L;
- Đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Ung Quang Định

